TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 17/5/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Trú tại: K2, Thị trấn T, huyện H, Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H1, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2017)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957 (có mặt)

Trú tại: K1, Thị trấn T, huyện H, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T và người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H1 trình bày:

Ngày 02/7/2015 bà Nguyễn Thị H có vay của bà T số tiền là 38.600.000đồng. Khi vay thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng. Nhưng trong quá trình vay thì bà H không thanh toán tiền lãi và khi đến hạn cũng không thanh toán tiền gốc

cho bà. Đến ngày 02/10/2016 thì bà H viết giấy xác nhận nợ gồm 38.600.000đồng tiền gốc và 11.580.000đồng tiền lãi. Ngày 20/8/2014 bà H đã vay của bà T số tiền là 15.000.000đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất 2%/tháng, nhưng trong thời gian vay thì bà H không trả lãi và khi đến hạn thì không thanh toán tiền gốc nên ngày 20/8/2016 bà H viết giấy xác nhận nợ gốc còn thiếu là 15.000.000đồng và nợ lãi là 7.500.000đồng. Nay bà T yêu cầu bà H phải thanh toán tiền gốc và lãi đến ngày khởi kiện là 83.979.544đồng và lãi phát sinh 1,67%/tháng cho đến khi thanh toán xong số tiền trên. Tổng số tiền yêu cầu bà H phải trả cả gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 90.485.540đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Từ trước đến nay hai bên thường xuyên vay mượn tiền với nhau và lần gần nhất viết giấy nợ ngày 02/10/2016 nợ gốc là 38.600.000đồng và 11.580.000đồng tiền lãi; ngày 20/8/2016 viết giấy xác nhận nợ gốc còn thiếu là 15.000.000đồng và nợ lãi là 7.500.000đồng nhưng bà đã thanh toán đầy đủ cho bà T bằng ba đợt bán heo và các khoản tiền khác như tiền lãi sinh viên, tiền mạng, tiền điện và tiền cám. Đối với số tiền bà T yêu cầu thì tại buổi hòa giải ngày 01/02/2018 bà H trình bày là số tiền hiện nay bà T yêu cầu là do bà đứng ra vay giùm cho bà L và ông V. Vì bà L và ông V là bạn bè của bà T nên nhờ bà đứng ra vay và giao tiền lại cho bà L, Ông V để bà T thu tiền lãi; việc viết giấy nợ ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 là do bà T lên nhà và nhờ bà viết lại giấy để chốt nợ cho bà L và ông V. Nay bà T yêu cầu bà thanh toán số tiền trên thì bà không đồng ý vì bà không có nợ bà T mà số nợ trên là của bà L và ông V.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận có nhờ bà H đứng ra vay của bà T hai lần cụ thể là ngày 05/01/2014 vay số tiền là 15.000.000đồng và ngày 14/01/2014 vay thêm 10.000.000đồng nhưng đến năm 2015 thì bà đã thanh toán hết số tiền trên cho bà T. Việc bà H vay tiền vào ngày 20/8/2014 và ngày 02/7/2015 thì bà không biết và không liên quan gì đến bà nên bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định bà Nguyền Thị H đã vay của bà Trần Thị Lệ T hai lần với số tiền là 53.600.000đồng cụ thể ngày 20/8/2014 vay số tiền là 15.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 02 năm, ngày 02/7/2015 vay số tiền là 38.600.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng. Trong thời hạn vay thì bà H không trả lãi cho bà T và khi đến hạn thì chưa thanh toán số tiền trên, trong quá trình giải quyết thì bà H cho rằng bà có vay của bà T nhưng bà đã thanh toán xong, riêng số tiền bà T yêu cầu là tiền bà vay giùm cho bà L và ông V là không có cơ sở, nếu bà H vay tiền của bà T và cho ông V, bà L vay thì nếu có căn cứ bà H có quyền khởi kiện ông V, bà L thành một vụ án khác. Ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bà H đã viết giấy xác nhận nợ cho bà T nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với yêu cầu về lãi suất, do các bên không thương lượng được và việc vay tiền giữa các bên đã kết thúc trước khi Bộ

luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, do vậy đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp hợp vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bị đơn đã viết giấy xác nhận nợ và nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Theo quy định tại Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 184 BLTTDS 2015 Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên nhưng trong vụ án này không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không xem xét do vậy ngày 14/7/2017 bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn có vay hai lần với số tiền là 53.600.000đồng cụ thể ngày 20/8/2014 vay số tiền là 15.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 02 năm, ngày 02/7/2015 vay số tiền là 38.600.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 15 tháng. Ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bị đơn đã viết giấy xác nhận nợ cho nguyên đơn, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền gốc và lãi là 72.680.000đồng. Theo bị đơn thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn hết số tiền mà bị đơn vay bằng hình thức ba đợt bán heo và các khoản tiền khác như tiền lãi sinh viên, tiền mạng, tiền điện và tiền cám, riêng đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu thì do mối quan hệ nên bị đơn đứng ra nhận tiền từ nguyên đơn cho bà L và ông V nên bị đơn không có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên thực hiện việc vay mượn, mua bán qua lại với nhau và bị đơn cũng đã thanh toán nhiều khoản tiền cho nguyên đơn, tuy nhiên đối với khoản vay ngày 20/8/2014 và ngày 02/7/2015 thì không có căn cứ cho rằng bị đơn đã thanh toán, bởi lẽ theo các tài liệu mà bị đơn cung cấp thì việc bán heo, thanh toán tiền điện, tiền cám … đều đã thực hiện trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2015 nhưng đến ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bị đơn lại viết giấy xác nhận nợ cho nguyên đơn, điều đó thể hiện rằng, bị đơn chưa thanh toán số tiền nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H cho rằng số tiền hiện nay bà T yêu cầu thực chất là số tiền bà vay giùm cho bà L, ông V và bà T là người trực tiếp nhận tiền lãi từ những người này. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 bà L trình bày bà có nhờ bà H mượn của bà T số tiền là 25.000.000đồng cụ thể ngày 05/01/2014 vay số tiền 15.000.000đồng, ngày 14/01/2014 vay số tiền là 10.000.000đồng, như vậy thời điểm vay của bà L hoàn toàn khác với thời điểm vay của bà H với bà T; riêng

đối với ông V thì các bên không cung cấp được địa chỉ nên không lấy lời khai được. Việc bà H cho rằng ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bà viết giấy nhận nợ cho bà T là do bà T nhờ bà viết giấy để chốt nợ cho bà L và ông V là không có căn cứ vì tại thời điểm viết giấy nhận nợ thì bà H hoàn toàn có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và khả năng nhận thức nên xác định được hậu quả của việc viết giấy xác nhận nợ nêu trên.

Từ những phân tích trên đã đủ cơ sở để kết luận, hiện nay bà H còn thiếu của bà T số tiền vay là 53.600.000đồng, do đó lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[2]. Đối với yêu cầu về tiền lãi: Theo thỏa thuận của các bên thì lãi suất tiền vay là 02%/tháng và tại giấy xác nhận nợ ngày 02/10/2016 và 20/8/2016 bà H đã xác đinh từ khi vay cho đến ngày viết giấy thì bà H chưa trả tiền lãi cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi từ ngày vay đến ngày xác nhận nợ là 19.080.000đồng và lãi suất phát sinh từ ngày xác nhận nợ đến ngày giải quyết vụ án là 1,67% theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 với số tiền là 17.805.540đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù khi vay các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng khi các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản thì Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nên lãi suất mà các bên thỏa thuận cao hơn mức quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước V Nam công bố đối với loại cho vay tương ứng; theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì tại thời điểm hiện nay lãi suất cơ bản là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 1,125%/tháng. Do khi đến hạn, bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên các khoản vay trên là nợ quá hạn nên cần áp dụng lãi suất nợ quá hạn để xem xét.

Như vậy lãi suất chưa thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn cụ thể: Đối với số tiền vay là 15.000.000đồng, lãi suất tính từ ngày vay là ngày 20/8/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1362 ngày x 15.000.000đồng x 1,125%/30 = 7.661.250đồng. Đối với số tiền vay 38.600.000đồng, lãi suất tính từ ngày 02/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1045 ngày x 38.600.000đồng x 1,125%/30 = 15.126.375đồng. Tổng tiền lãi phải trả là 22.787.625đồng.

[3]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị Lệ T 53.600.000đ (*Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền nợ gốc và 22.787.625đ (*Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm.

Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

3/ Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.819.381đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 704.895đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khầu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.099.488đ theo biên lai thu tiền số 0016491 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ T số tiền là 1.394.593đồng.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

5/ Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Tân;
-THA dân sự huyện Hàm Tân;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Anh Dũng